

Số: 134/BC-KTNS

Bình Định, ngày 02 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO

Kết quả giám sát chuyên đề về tình hình quản lý, khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2020

Thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh về Chương trình giám sát của HĐND tỉnh năm 2021; Kế hoạch số 01/KH-TTHĐND ngày 03/02/2021 của Thường trực HĐND tỉnh về Kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện Chương trình giám sát của HĐND tỉnh năm 2021 và Quyết định số 77/QĐ-KTNS ngày 30/9/2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh về thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh về tình hình quản lý, khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2020; Đoàn giám sát đã tổ chức khảo sát một số công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh và làm việc trực tiếp với một số cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc đối tượng giám sát.

Qua nghiên cứu tài liệu và kết quả khảo sát, giám sát trực tiếp tại các cơ quan, đơn vị, địa phương, Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo kết quả như sau:

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Khái quát chung

Toàn tỉnh hiện có 709 công trình thủy lợi, trong đó có 163 hồ chứa thủy lợi loại có dung tích từ 50 ngàn m³ trở lên, với tổng dung tích 592 triệu m³; 278 đập dâng và 268 trạm bơm, tổng công suất 156,05 m³/s. Hệ thống kênh tưới đã kiên cố là 2958,3/5541.01 km, đạt tỷ lệ 53,39%. Trong đó, kênh loại II (kênh tưới tiêu liên huyện) đã kiên cố là 65,23/169,04 km, đạt tỷ lệ 38,59 %; kênh còn lại kiên cố được 2893,07/5371,97 km, đạt tỷ lệ 53,85%.

Các hồ chứa nước lớn có tính quyết định đến an ninh nguồn nước như: Lưu vực sông Côn có các hồ: Định Bình, dung tích 226 triệu m³, hồ Núi Một, dung tích 110 triệu m³; hồ Thuận Ninh, dung tích 35 triệu m³, lưu vực La Tinh có hồ Hội Sơn 46 triệu m³; lưu vực sông Hà Thanh chưa có hồ chứa nước đủ lớn để bảo đảm nguồn nước. Những năm mưa ít, nguồn nước trữ trong các hồ chứa bị thiếu, không tổ chức sản xuất nông nghiệp từ 10 - 30% diện tích canh tác. Những năm mưa nhiều, khả năng cắt lũ các hồ chứa kém, xảy ra lũ lụt hạ du, thiệt hại cơ sở hạ tầng, nhiều năm sau mới khắc phục được.

Lượng nước đến theo tần suất 85% là 5.217 triệu khối, nhu cầu dùng cho tất cả các ngành kinh tế của tỉnh là 1.791 triệu khối, xây dựng bài toán cân bằng thì thiếu nước khoảng 313 triệu khối từ tháng 2 đến tháng 8 hàng năm; cao điểm nhất vào tháng 4 thiếu khoảng 147 triệu khối, tháng 7 khoảng 99 triệu khối. Vùng thiếu tập trung tại vùng Bắc Phù Mỹ, vùng lưu vực La Tinh. Phục vụ sản xuất nông nghiệp là tưới được khoảng 127.953 ha, đáp ứng được 85% diện tích gieo

trồng của tỉnh, cấp nước ngọt cho 2.378 ha nuôi trồng thủy sản.

2. Công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động quản lý, khai thác các công trình thủy lợi

Trong giai đoạn 2018 - 2020, UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành, địa phương và các doanh nghiệp, đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi.

- Thực hiện Luật Thủy lợi và các Nghị định của Chính phủ, hướng dẫn, chỉ đạo của bộ, ngành Trung ương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã kịp thời tham mưu UBND ban hành nhiều cơ chế, chính sách, quy định, kế hoạch để triển khai thực hiện tại địa phương⁽¹⁾; đặc biệt là việc tham mưu ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh, qua đó xác định trách nhiệm quản lý, khai thác công trình thủy lợi đối với các địa phương và các tổ chức, cá nhân, đồng thời là cơ sở để Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định và các tổ chức thủy lợi cơ sở bàn giao các công trình thủy lợi theo phân cấp. Trên cơ sở đó, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã kịp thời cụ thể hóa và triển khai thực hiện các quy định của trung ương, của tỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.

- Bên cạnh đó, UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, đẩy mạnh công tác tuyên truyền; tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về công trình thủy lợi. Các ngành, các địa phương các đơn vị khai thác công trình thủy lợi tích cực phối hợp, tập trung chỉ đạo xử lý, giải tỏa những vi phạm chỉ giới xây dựng công trình thủy lợi, thực hiện việc nạo vét, khơi thông dòng chảy gắn với công tác đảm bảo vệ sinh môi trường trên các tuyến kênh chính...; tham gia xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, phương án, đề án, dự án, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế kỹ thuật về thủy lợi trên địa bàn;

⁽¹⁾ Quyết định số 4649/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành hệ thống luật pháp về thủy lợi trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 2970/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 về việc phê duyệt vị trí điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi giữa Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định và các đơn vị dùng nước;

- Quyết định số 64/2020/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 44/2020/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 ban hành Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 87/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 ban hành Quy định phân cấp quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

- Quyết định số 85/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 về việc ban hành chính sách hỗ trợ kiên cố hóa kênh mương, kênh mương nội đồng giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 2057/QĐ-UBND ngày 28/5/2020 thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 2692/QĐ-UBND ngày 06/7/2020 Ban hành kế hoạch nâng cao năng lực quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trong lĩnh vực thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

- Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 03/01/2020 ban hành Kế hoạch hành động bảo vệ chất lượng nước trong công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Quyết định số 2057/QĐ-UBND ngày 28/5/2020 thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá an toàn đập, hồ chứa nước thủy lợi tỉnh Bình Định đã được thành lập.

- Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 27/3/2020 về việc phê duyệt Định mức kinh tế - kỹ thuật khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Định do Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi làm chủ thể.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, phối hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực thủy lợi theo quy định của pháp luật, hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã thành lập các Tổ công tác tổ chức kiểm tra an toàn hồ chứa, phòng chống thiên tai trước mùa mưa lũ để đề xuất biện pháp khắc phục các hư hỏng và tích nước trong mùa mưa. Đồng thời, thông qua công tác kiểm tra kết hợp phổ biến các văn bản pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Triển khai thành lập các tổ chỉ đạo sản xuất; xây dựng kế hoạch cấp nước, chỉ đạo tưới tiết kiệm, chuyển đổi cơ cấu cây trồng thích hợp. Các cơ quan truyền thông thông tin về tình hình khô hạn, vận động nhân dân chuyển đổi cây trồng, chủ động thực hiện các biện pháp tưới nước tiết kiệm.

- Quan tâm tổ chức thực hiện công tác điều tra, thống kê và quản lý cơ sở dữ liệu về thủy lợi trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo tổ chức, cá nhân khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định pháp luật. Thực hiện tốt công tác thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao về lĩnh vực thủy lợi. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức trong lĩnh vực thủy lợi.

3. Về công tác quản lý, khai thác các công trình thủy lợi

Hiện nay, Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi quản lý, khai thác 67 hồ chứa, 30 đập dâng, 05 trạm bơm, Trung tâm Giống nông nghiệp khai thác 03 hồ chứa, UBND cấp huyện quản lý 95 hồ chứa nước, 246 đập dâng, 263 trạm bơm (giao cho các Trung tâm dịch vụ nông nghiệp các huyện và các Tổ chức thủy lợi cơ sở khai thác).

- Công ty TNHH khai thác các công trình thủy lợi và các tổ chức quản lý, khai thác các công trình thủy lợi thực hiện tốt việc quản lý khai thác lập kế hoạch trữ nước, lập kế hoạch tưới, xây dựng phương án chống hạn; phương án ứng phó thiên tai hàng năm.

- Hằng năm, các chủ thể khai thác công trình thủy lợi cập nhật, bổ sung thông tin vào các bảng kê khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa nước đã thực hiện theo quy định; thường xuyên kiểm tra, rà soát toàn bộ hệ thống công trình thủy lợi thuộc địa bàn quản lý, đánh giá năng lực hiện trạng công trình, sắp xếp thứ tự ưu tiên trong phương án sửa chữa những công trình xuống cấp, phát huy hiệu quả khai thác công trình thủy lợi, đáp ứng yêu cầu trong sản xuất và phòng chống thiên tai.

- Thường xuyên tuyên truyền các nội dung về bảo vệ môi trường, chất lượng nước trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, kiểm tra hoạt động xả nước thải theo định kỳ; hằng năm trước và sau mùa mưa lũ, tổ chức kiểm tra thực địa các công trình, kiểm tra việc thực hiện phòng chống thiên tai tại các địa phương.

- Các tổ chức quản lý, khai thác các công trình thủy lợi và chính quyền địa phương thường xuyên phối hợp để thực hiện nhiệm vụ tưới tiêu, vận hành, phòng chống thiên tai và bảo vệ công trình; cụ thể: phối hợp với các đơn vị sử dụng nước lập và ký kết hợp đồng tưới tiêu các vụ trong năm; việc cung cấp, dẫn và phân phối nước hợp lý đến các điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ, tiêu thoát nước

để người dân, các tổ chức đăng ký sử dụng nước hoạt động sản xuất hiệu quả; phối hợp với các địa phương trong công tác chống hạn, khoanh vùng tưới, quản lý chặt chẽ nguồn nước tưới, thực hành tưới tiết kiệm, tổ chức nạo vét khơi thông kênh dẫn, lắp đặt thêm trạm bơm, mở nước tiếp cho các hệ thống bị thiếu nước, đắp đập bồi giữ nước...; phối hợp với các địa phương kiện toàn Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các công trình; hoàn thiện phương án ứng phó thiên tai trình phê duyệt trước mùa mưa lũ hằng năm, đảm bảo vận hành an toàn công trình thủy lợi trong mùa mưa lũ và khi có tình hình thời tiết nguy hiểm diễn ra; khi có các hoạt động xâm lấn, xây dựng làm ảnh hưởng đến công trình thủy lợi, xả thải vào công trình thủy lợi... khi chưa được cho phép, phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành tạm dừng hoạt động, lập biên bản vi phạm và chuyển cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định của pháp luật; Phối hợp với các đơn vị liên quan xác định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; lập phương án bảo vệ công trình thủy lợi, trình cấp thẩm quyền ra quyết định; cắm mốc giới xác định hành lang bảo vệ an toàn các công trình thủy lợi...

4. Về công tác đầu tư, nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi

Thời gian qua, hệ thống thủy lợi trên địa bàn tỉnh tiếp tục được đầu tư, nâng cấp, sửa chữa để đáp ứng cho sản xuất nông nghiệp và phòng chống thiên tai như: hồ chứa nước Đồng Mít (An Lão); hệ thống kênh tưới Thượng Sơn, hệ thống kênh tưới Văn Phong; đập ngăn mặn trên sông Lại Giang; các dự án sửa chữa cấp bách, nâng cấp các hồ chứa, đập dâng, trạm bơm; chương trình kiên cố hóa kênh mương, kênh mương nội đồng. Hằng năm các công trình thủy lợi được kiểm tra và thường xuyên được duy tu, sửa chữa như khơi thông dòng chảy các tuyến sông, tuyến mương và gia cố các đập dâng, kè xung yếu bị hư hỏng... Đặc biệt, công tác kiểm tra an toàn đập, hồ chứa nước được đặt lên hàng đầu, hằng năm, tổ chức các đợt kiểm tra trước và sau lũ và các đợt kiểm tra đột xuất khác; qua kiểm tra hiện trạng vẫn còn 39 hồ bị hư hỏng xuống cấp, trong đó có 12 hồ bị hư hỏng thuộc diện xung yếu cần hạn chế tích nước.

Trong giai đoạn 2018 - 2020, toàn tỉnh đã đầu tư, sửa chữa, nâng cấp 29 hồ chứa⁽²⁾, 08 đập dâng, 05 trạm bơm, 04 hệ thống kênh⁽³⁾ với tổng số tiền là 1.360 tỷ đồng.

Về công tác kiên cố kênh mương nội đồng: Toàn tỉnh đã kiên cố được 1.122 km kênh mương, kênh mương nội đồng các loại (kế hoạch 590 km), đảm bảo tưới cho 88.629 ha đất gieo trồng, nâng tổng số km kênh mương được kiên cố đến năm 2020 là 2.304/2.944 đạt tỷ lệ 78,26%.

Hầu hết các dự án sau khi được đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả đầu tư của nguồn vốn, đáp ứng được yêu cầu cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp.

5. Đánh giá chung

⁽²⁾ Gồm: 16 hồ dự án WB8, 04 hồ dự án sửa chữa cấp bách, 01 hồ WB5, 02 hồ dự án Phát triển nông thôn Tổng hợp miền Trung, 4 hồ của dự án khác là Suối Mây, Đập Chùa, Đồng Đèo 2, Nhơn Châu.

⁽³⁾ Nâng cấp sửa chữa các đập Đức Phổ, Bình Thạnh, Cây Gai, Lại Giang, Nha Phu, Thạnh Hòa, Ba Cây; xây mới đập ngăn mặn sông Lại Giang. Xây dựng mới trạm bơm Chà Rang, Mỹ Tài, Tân Lệ, Mỹ Trang, Song Khánh. Xây dựng mới hệ thống tưới Thượng Sơn; sửa chữa hệ thống kênh Văn Phong, hệ thống kênh Lại Giang.

Nhìn chung, giai đoạn 2018 - 2020, trong điều kiện ảnh hưởng của thiên tai và biến đổi khí hậu khắc nghiệt đối với tỉnh ta ngày càng phức tạp, tuy nhiên, các cấp chính quyền và các ngành chức năng của tỉnh, các đơn vị quản lý, khai thác các công trình thủy lợi đã có nhiều cố gắng trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, khai thác, bảo vệ các công trình thủy lợi; đảm bảo tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp nước cơ bản đáp ứng các quy định hiện hành; công tác bảo trì, duy tu bảo dưỡng công trình, phòng chống thiên tai hàng năm được thực hiện từng bước đáp ứng các quy định; các tổ chức thủy lợi thực hiện công tác quản lý khai thác CTTL đáp ứng được yêu cầu sản xuất nông nghiệp hàng năm. Hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh từng bước được cải tạo, nâng cấp, bổ sung xây dựng mới kiên cố hơn, hệ thống kênh mương được kiên cố ngày càng nhiều, chất lượng công tác tưới, tiêu được nâng lên, ngày càng đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, góp phần quan trọng vào việc hoàn thành chương trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh trong thời gian qua.

(Kèm theo phụ lục Danh mục đập, hồ chứa theo quy định phân cấp quản lý)

II. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

- Công tác bàn giao, tiếp nhận công trình thủy lợi theo Quyết định số 64/2020/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND tỉnh chậm tiến độ; còn gặp nhiều vướng mắc trong việc bàn giao công trình, một số địa phương chưa thống nhất điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và chưa ký hợp đồng sử dụng dịch vụ tưới, tiêu với các Xí nghiệp trực thuộc của Công ty khai thác CTTL.

- Tình trạng vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi diễn ra phổ biến nhưng chưa có giải pháp ngăn chặn, xử lý triệt để, vẫn còn nhiều vụ việc vi phạm lấn chiếm phạm vi công trình được lập biên bản, gửi địa phương nhưng chưa được xử lý⁽⁴⁾.

- Việc triển khai thực hiện Nghị định 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gặp nhiều khó khăn do hầu hết các công trình thủy lợi ở địa phương không có sổ sách, hồ sơ quản lý công trình, nên việc thống kê, đánh giá tài sản, để bàn giao quản lý rất khó thực hiện.

- Kinh phí cho hoạt động quản lý khai thác công trình thủy lợi và bảo trì, duy tu sửa chữa thường xuyên hàng năm ở mức thấp, chưa đáp ứng nhu cầu; chủ yếu từ nguồn cấp bù giá dịch vụ thủy lợi công ích do đó chưa có nguồn chi cho hoạt động sửa chữa lớn và đáp ứng yêu cầu của Luật Thủy lợi.

- Hiệu quả đầu tư, khai thác một số công trình thủy lợi chưa cao, nhiều dự án chậm tiến độ, một số công trình có công suất thiết kế cao nhưng hiệu quả khai

⁽⁴⁾ Trong giai đoạn 2018 - 2020, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức nhiều cuộc thanh tra, kiểm tra; qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện một số sai phạm, vi phạm như: 01 trường hợp vi phạm khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tại UBND thị xã An Nhơn; 51 trường hợp lấn chiếm hành lang bảo vệ công trình để canh tác tại huyện Tuy Phước; 02 trường hợp vi phạm trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai huyện Hoài Ân. Các vi phạm chỉ mới được xử lý ở mức lập biên bản vi phạm và xử phạt hành chính, qua thống kê từ năm 2016 đến nay có 1.056 vụ vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, 1.027 vụ xả thải ở quy mô nhỏ.

thác đạt tỷ lệ thấp.

- Hiện nay, một số hồ đập đang xuống cấp, chưa được đầu tư sửa chữa và bố trí nguồn kinh phí để nâng cấp, sửa chữa đáp ứng yêu cầu của Luật Thủy lợi.

- Tình hình thu phí thủy lợi nội đồng gặp nhiều khó khăn, nhiều nơi không thu được nguồn kinh phí này từ người dân để trang trải chi phí cho công tác thủy lợi nội đồng, tổng thu trên toàn tỉnh chỉ đạt khoảng 40% so với nhu cầu.

2. Nguyên nhân

- Ý thức bảo vệ công trình và sử dụng nước tiết kiệm của một số tổ chức và người dân còn hạn chế dẫn đến hiệu quả khai thác công trình thủy lợi chưa cao; nhận thức của một bộ phận cán bộ, công chức và nhân dân về công tác quản lý, khai thác các công trình thủy lợi chưa đầy đủ.

- Công tác phối hợp giữa chính quyền các cấp và các doanh nghiệp, đơn vị quản lý, khai thác các công trình thủy lợi chưa tốt, từ đó dẫn đến tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ các công trình thủy lợi chậm được ngăn chặn và xử lý kịp thời; tình trạng ô nhiễm môi trường, rác thải vào kênh mương vẫn còn xảy ra.

- Công tác thanh tra, kiểm tra về hoạt động quản lý, khai thác các công trình thủy lợi chưa thật sự hiệu quả; thiếu cơ chế phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

- Năng lực tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi của cán bộ, trong tổ chức thủy lợi cơ sở với trình độ chuyên môn, nghiệp vụ chưa qua đào tạo nên chưa phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ được giao.

- Việc phân cấp quản lý, khai thác các công trình thủy lợi chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện, địa phương đang triển khai nhưng còn nhiều vướng mắc do các công trình theo lịch sử đầu tư từ nhiều nguồn vốn, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan và năng lực quản lý.

- Nhu cầu nguồn vốn đầu tư cho xây dựng mới, nâng cấp sửa chữa, duy tu bảo dưỡng rất lớn nhưng khả năng đáp ứng của ngân sách nhà nước và nguồn vốn khác còn rất hạn chế, thu nhập của các hộ sản xuất nông nghiệp còn thấp, việc thu phí thủy lợi nội đồng gặp nhiều khó khăn.

- Thiếu cơ sở dữ liệu (hơn 100 hồ chứa không có hồ sơ thiết kế lưu trữ, không xác định được dung tích chứa) và chưa có hệ thống hóa thông tin dữ liệu của ngành thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Định, bị động trong việc điều hành quản lý khai thác công trình thủy lợi.

- Chưa có các chính sách thu hút các nguồn lực xã hội hóa để đầu tư vào công trình thủy lợi.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với UBND tỉnh

- Tích cực đề nghị Trung ương hỗ trợ kinh phí và huy động các nguồn vốn hợp pháp để đầu tư xây dựng, nâng cấp sửa chữa các hồ hiện nay đã bị hư hỏng, xuống cấp.

- Đề nghị bộ ngành trung ương hướng dẫn việc thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng của các hồ không còn thực hiện nhiệm vụ như thiết kế ban đầu⁽⁵⁾; đề nghị Bộ Tài chính thẩm định, ban hành mức giá theo hồ sơ thẩm định giá của địa phương để đảm bảo cân đối mức chi cho công tác quản lý vận hành; hướng dẫn ban hành các cơ chế, chính sách thu hút các nguồn lực đầu tư vào các công trình thủy lợi, xã hội hóa đầu tư các công trình thủy lợi để phát triển cơ sở hạ tầng thủy lợi.

- Bố trí kinh phí và phê duyệt dự toán cho Đề án Quản lý hạn hán trên địa bàn tỉnh Bình Định đã được UBND tỉnh phê duyệt đề cương nhiệm vụ tại Quyết định số 4512/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của UBND tỉnh.

- Xây dựng và ban hành các chính sách hỗ trợ các tổ chức thủy lợi cơ sở để các tổ chức này phát triển bền vững; các chính sách xã hội hóa trong vấn đề đầu tư hạ tầng thủy lợi, khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo rà soát, đánh giá lại năng lực, hiệu quả khai thác của các công trình thủy lợi trên địa bàn, trên cơ sở đó đề xuất kế hoạch đầu tư, sửa chữa nâng cấp, bảo đảm an toàn, từng bước hiện đại hóa nhằm phát huy hiệu quả công trình thủy lợi, đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

- Tổ chức đánh giá, lựa chọn các mô hình quản lý, khai thác thủy lợi hiệu quả để triển khai thực hiện thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh; rà soát lại công tác quản lý hiện nay để đảm bảo mỗi công trình thủy lợi giao cho 01 đơn vị quản lý, bảo vệ, khai thác.

- Chỉ đạo rà soát, có phương án cụ thể để thực hiện dứt điểm công tác bàn giao các công trình thủy lợi theo Quyết định số 64/2020/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND tỉnh.

- Chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các vụ việc vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

- Chỉ đạo các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức liên quan thực hiện việc tuyên truyền, động viên, khuyến khích người dân tích cực tham gia đầu tư, khai thác, bảo vệ, tu bổ công trình thủy lợi, khai hoang, tăng vụ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các công trình thủy lợi đã được đầu tư.

- Thực hiện nghiêm các quy định về đầu tư, quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Tổ chức cắm mốc chỉ giới phạm vi vùng phụ cận bảo vệ, ban hành phương án bảo vệ công trình, xử lý các trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi; phân cấp quản lý công trình thủy lợi theo đúng quy định.

2. Đối với các cơ quan, đơn vị có liên quan.

2.1. Đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan hướng dẫn cụ thể việc xác định điểm tiếp nhận sản phẩm dịch vụ thủy

(5) Gồm: Hồ Hòn Gà thuộc xã Bình Thành, huyện Tây Sơn có khu tưới được tưới thay thế từ hồ Thuận Ninh, công trình đang xuống cấp và ở trong khu quân sự thuộc Trung tâm huấn luyện quân sự quốc gia 2 hoặc các hồ không còn sử dụng sẽ bị san lấp phục vụ cho quy hoạch các khu dân cư.

lợi; hoàn thành việc bàn giao các công trình thủy lợi theo kế hoạch của tỉnh.

- Tham mưu, chỉ đạo các tổ chức khai thác đập, hồ chứa thủy lợi thực hiện đúng thời hạn các quy định về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ.

- Xây dựng kế hoạch hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ công trình, đặc biệt phải thực hiện các giải pháp đảm bảo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi nhằm đảm bảo sức khỏe của người dân cũng như phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh.

- Tham mưu việc kiện toàn, sắp xếp lại các tổ chức, đơn vị khai thác công trình thủy lợi, bảo đảm đầu mối tinh giản, bộ máy tổ chức gọn nhẹ, hiệu quả; đổi mới trong công tác quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác công trình thủy lợi; làm rõ trách nhiệm giữa các đơn vị khai thác công trình thủy lợi với các tổ chức thủy lợi cơ sở, trách nhiệm phối hợp với chính quyền các địa phương trong việc quản lý, khai thác, đặc biệt trong vấn đề bảo vệ, bảo đảm an toàn công trình, chất lượng nước trong công trình thủy lợi.

- Phối hợp mở các lớp tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực, nhận thức cho cán bộ, công nhân khai thác công trình thủy lợi, người của các tổ chức thủy lợi cơ sở, đặc biệt là văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, quy trình kỹ thuật mới trong công tác thủy lợi. Tăng cường công tác thông tin, truyền thông nâng cao nhận thức người dân trong quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

2.2. Đối với Công ty TNHH khai thác công trình thủy lợi

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong việc quản lý, khai thác các công trình thủy lợi theo phân cấp.

- Chủ động đổi mới, kiện toàn tổ chức hoạt động của Công ty, bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu năng lực theo quy định; tăng cường thực hiện cơ chế khoán trong công tác quản lý, khai thác, bảo vệ công trình để tiết kiệm điện, nước, nhân công và các chi phí khác, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và có điều kiện nâng cao thu nhập cho cá nhân, đơn vị; thực hiện chuyển dịch, mở rộng đối tượng phục vụ của công trình thủy lợi, tăng cường khai thác đa mục tiêu để nâng cao hiệu quả công trình.

- Rà soát, xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi thuộc phạm vi phụ trách.

- Tập trung nhân lực khẩn trương rà soát, xác định các sản phẩm, dịch vụ thủy lợi do đơn vị cung cấp, hoàn thiện phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định về giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, trong đó đẩy mạnh việc tăng nguồn thu từ các sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác để bù phần thiếu hụt do cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, bảo đảm nguồn tài chính bền vững cho đơn vị.

- Thực hiện rà soát, đánh giá lại năng lực, hiệu quả khai thác thực tế của công trình thủy lợi, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ khi có thay đổi. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu, bản đồ trực tuyến các công trình, trước mắt đối với các công trình thủy lợi vừa và lớn, phục vụ tốt công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, đặc biệt trong các tình huống thiên tai.

2.3. Đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Phối hợp chặt chẽ với Công ty TNHH khai thác công trình thủy lợi trong việc thống nhất điểm tiếp nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi và thực hiện việc bàn giao các công trình thủy lợi theo kế hoạch của tỉnh.

- Chỉ đạo các phòng, ban trực thuộc của huyện phối hợp với Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi, các tổ chức thủy lợi thường xuyên điều tra, rà soát, đánh giá lại năng lực, hiệu quả khai thác công trình thủy lợi do mình quản lý, khai thác, trên cơ sở đó đề xuất kế hoạch đầu tư, sửa chữa nâng cấp, bảo đảm an toàn, từng bước hiện đại hóa nhằm phát huy hiệu quả công trình thủy lợi, đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

- Thực hiện nghiêm các quy định pháp luật trong bảo vệ công trình, bảo vệ chất lượng nước trong các công trình thủy lợi, gồm: Xây dựng kế hoạch hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ công trình, đặc biệt phải thực hiện các giải pháp đảm bảo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi nhằm đảm bảo sức khỏe của người dân cũng như phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, thanh tra nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các vụ việc vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi. Công khai tình hình vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tổ chức phong trào thi đua giữa các địa phương, đơn vị về công tác bảo vệ công trình thủy lợi và xử lý các hành vi vi phạm trên địa bàn.

Trên đây là Báo cáo kết quả giám sát chuyên đề về tình hình quản lý, khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách, kính báo cáo HĐND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- TV Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các Sở: NN&PTNT; KH&ĐT, Tài chính;
- Công ty TNHH KTCTTL Bình Định;
- Lưu: VT, CV.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Phạm Tấn Thành

Phụ lục

DANH MỤC ĐẬP, HỒ CHỨA THEO QUY ĐỊNH PHÂN CẤP QUẢN LÝ

(Kèm theo Báo cáo số 134/BC-KTNS ngày 02/12/2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh)

TT	Tên hồ chứa	Địa điểm xây dựng		Kinh phí đầu tư (triệu đồng)		Dung tích toàn bộ (triệu m ³)	Diện tích trước thực tế	Chủ thể khai thác	Ghi chú
				Xây mới	Nâng cấp, sửa chữa				
A UBND TỈNH QUẢN LÝ									
1	Trong Thượng	An Trung	An Lão			1,04	44,65	Cty	hiệu quả
2	Núi Một	Nhơn Tân	An Nhơn		70.349,25	110,00	3064,66	Cty	hiệu quả
3	Vạn Hội	Ấn Tín	Hoài Ân			14,51	335,18	Cty	hiệu quả
4	Cần Hậu	Hoài Sơn	Hoài Nhơn			3,69	266,12	Cty	hiệu quả
5	Hội Sơn	Cát Sơn	Phù Cát			45,65	2749,88	Cty	hiệu quả
6	Suối Tre	Cát Lâm	Phù Cát			4,94	321,34	Cty	hiệu quả
7	Long Mỹ	Phước Mỹ	Quy Nhơn			3,00	100,55	Cty	hiệu quả
8	Thuận Ninh	Bình Tân	Tây Sơn			35,36	743,15	Cty	hiệu quả
9	Quang Hiến	Canh Hiến	Vân Canh			3,85	56	Cty	hiệu quả
10	Suối Đuốc	Canh Hiệp	Vân Canh			1,07	26	Cty	hiệu quả
11	Ông Lành	Canh Vinh	Vân Canh			2,21	75,94	Cty	hiệu quả
12	Định Bình	Vĩnh Hào	Vĩnh Thạnh			226,21	27096,06	Cty	hiệu quả
13	Hòn Lập	Vĩnh Thịnh	Vĩnh Thạnh			3,13	215,5	Cty	hiệu quả
14	Hà Nhe	Vĩnh Hòa	Vĩnh Thạnh			3,75	112	Cty	hiệu quả
15	Tà Niêng	Vĩnh Quang	Vĩnh Thạnh			0,65	31	Cty	hồ hư hỏng, xuống cấp, lòng hồ bị bồi lấp nặng
16	Sông Vó	An Tân	An Lão			1,15	149,1	Cty	hiệu quả
17	Phú Thuận (Hóc Sầu)	Ấn Đức	Hoài Ân		12.990,90	2,43	60,75	Cty	hiệu quả
18	Mỹ Đức	Ấn Mỹ	Hoài Ân		18.770,85	3,30	103,6	Cty	hiệu quả
19	Kim Sơn	Ấn Nghĩa	Hoài Ân		17.149,29	1,06	59,75	Cty	hiệu quả
20	Thạch Khê	Ấn Tường	Hoài Ân			7,38	171,93	Cty	hiệu quả
21	An Đôn	Ấn Phong	Hoài Ân		18.463,77	2,13	228	Cty	hiệu quả
22	Đá Bàn	Ấn Phong	Hoài Ân		21.308,55	1,15	64,79	Cty	hiệu quả
23	Hóc Mỹ	Ấn Hữu	Hoài Ân			0,97	43,91	Cty	hiệu quả
24	Mỹ Bình	Hoài Hào	Hoài Nhơn			5,49	108,52	Cty	hiệu quả
25	Hố Giang	Hoài Châu	Hoài Nhơn			1,48	207,78	Cty	hồ bồi lấp
26	Hóc Cau	Hoài Đức	Hoài Nhơn			1,04	21,3	Cty	hồ hư hỏng, xuống cấp
27	Cây Khê	Hoài Mỹ	Hoài Nhơn			2,58	203,86	Cty	hiệu quả
28	Văn Khánh Đức	Hoài Đức	Hoài Nhơn			2,76	190,92	Cty	hiệu quả
29	An Đô	Hoài Sơn	Hoài Nhơn			0,20	40,59	Cty	hiệu quả
30	Suối Mới	Hoài Châu	Hoài Nhơn			0,50	114,82	Cty	hiệu quả

TT	Tên hồ chứa	Địa điểm xây dựng		Kinh phí đầu tư (triệu đồng)		Dung tích toàn bộ (triệu m ³)	Diện tích trước thực tế	Chủ thể khai thác	Ghi chú
				Xây mới	Nâng cấp, sửa chữa				
31	Giao Hội	Hoài Tân	Hoài Nhơn		21.785,21	0,55	39,6	Cty	hiệu quả
32	Tường Sơn	Cát Tường	Phù Cát			3,11	336,02	Cty	hiệu quả
33	Mỹ Thuận	Cát Hưng	Phù Cát			5,60	257,04	Cty	hiệu quả
34	Hóc Cau	Cát Hanh	Phù Cát			0,69	37	Cty	hiệu quả
35	Thạch Bàn	Cát Sơn	Phù Cát		29.084,46	0,77	75	Cty	hiệu quả
36	Chánh Hùng	Cát Thành	Phù Cát			2,90	244,4	Cty	hiệu quả
37	Tân Thắng	Cát Hải	Phù Cát			0,97	50	Cty	hiệu quả
38	Hồ Xoài	Cát Tài	Phù Cát			0,57	47,82	Cty	hiệu quả
39	Bờ Sè	Cát Hanh	Phù Cát			0,58	34	Cty	hiệu quả
40	Phú Đông (Hóc Xeo)	Cát Khánh	Phù Cát			0,48	38,07	Cty	hiệu quả
41	Đại An (Hồ Đội)	Cát Nhơn	Phù Cát			0,35	24	Cty	hiệu quả
42	Phú Hà	Mỹ Đức	Phù Mỹ			4,92	101,9	Cty	hiệu quả
43	Hội Khánh	Mỹ Hoà	Phù Mỹ			6,93	629,31	Cty	hiệu quả
44	Vạn Định	Mỹ Lộc	Phù Mỹ			3,30	256,1	Cty	hiệu quả
45	Diêm Tiêu	Mỹ Trinh	Phù Mỹ			6,60	247,14	Cty	hiệu quả
46	Đại Sơn	Mỹ Hiệp	Phù Mỹ			2,65	262,84	Cty	hiệu quả
47	Chí Hòa 2	Mỹ Hiệp	Phù Mỹ			0,65	65,16	Cty	hiệu quả
48	Cây Sung	Mỹ Lộc	Phù Mỹ			0,87	200,21	Cty	hiệu quả
49	Hóc Nhạn	Mỹ Thọ	Phù Mỹ			2,18	312,18	Cty	hiệu quả
50	Suối Sỏ	Mỹ Phong	Phù Mỹ			1,55	319,74	Cty	hiệu quả
51	Trình Vân	Mỹ Trinh	Phù Mỹ		15.455,69	2,33	277,92	Cty	hiệu quả
52	Trung Sơn	Mỹ Trinh	Phù Mỹ			1,15	143,14	Cty	hiệu quả
53	Chòi Hiền	Mỹ Chánh Tây	Phù Mỹ			0,45	94,53	Cty	hiệu quả
54	Hóc Mít	Mỹ Chánh Tây	Phù Mỹ			0,32	28,17	Cty	hiệu quả
55	Đập Lồi	Mỹ Hoà	Phù Mỹ			0,65	132,88	Cty	hồ hư hỏng, xuống cấp
56	Tây Dâu	Mỹ Hoà	Phù Mỹ			0,89	44,37	Cty	hiệu quả
57	Đá Bàn	Mỹ An	Phù Mỹ			0,44	39,94	Cty	hồ hư hỏng, xuống cấp
58	Ông Rộng	Mỹ Hoà	Phù Mỹ			0,30	70	Cty	hiệu quả
59	An Tường	Mỹ Lộc	Phù Mỹ		16.023,05	0,58	137,69	Cty	hiệu quả
60	Hòn Gà	Bình Thành	Tây Sơn			1,46	32,1	Cty	nằm trong trường bản QK5, đề nghị chuyển mục đích sử dụng



TT	Tên hồ chứa	Địa điểm xây dựng		Kinh phí đầu tư (triệu đồng)		Dung tích toàn bộ (triệu m ³)	Diện tích trú� thực tế	Chủ thể khai thác	Ghi chú
				Xây mới	Nâng cấp, sửa chữa				
61	Cây Sung	Bình Tường	Tây Sơn			0,32	12,07	Cty	hồ hư hỏng, hạn chế tích nước
62	Cây Da	Phước Thành	Tuy Phước			0,89	44,06	Cty	hiệu quả
63	Cây Thích	Phước Thành	Tuy Phước			0,83	78,46	Cty	hồ hư hỏng, xuống cấp
64	Hóc Ké (Cây Ké)	Phước An	Tuy Phước			0,41	73,45	Cty	hiệu quả
65	Hóc Hòm	Mỹ Châu	Phù Mỹ			0,57		Cty	hiệu quả
66	Cửa Khâu	Cát Tường	Phù Cát			0,72	125	Cty	hiệu quả
67	Suối Chay	Cát Trinh	Phù Cát			1,70	219	Cty	hiệu quả
68	Hóc Lách	Mỹ Châu	Phù Mỹ					TT GNN	hiệu quả
69	Đồng Đèo 1	Mỹ Châu	Phù Mỹ					TT GNN	hồ nhỏ hơn 50000 m ³ , hiện nay đã đưa ra khỏi danh mục quản lý
70	Đồng Đèo 2	Mỹ Châu	Phù Mỹ		9.946,01	0,239		TT GNN	đang thi công
B	UBND CẤP HUYỆN QUẢN LÝ								
I	UBND HUYỆN AN LÃO								
1	Hưng Long	An Hoà	An Lão		7.868,49	1,63	87,28		hiệu quả
2	Hóc Tranh	An Hoà	An Lão		11.010,94	0,21	21,53		hiệu quả
3	Đèo Cảnh	An Trung	An Lão			0,10	10,08		hiệu quả
II	UBND HUYỆN HOÀI AN								
1	Hóc Tài	Ân Hữu	Hoài Ân			0,67	32,52		hiệu quả
2	Bờ Tích Xuân Sơn	Ân Hữu	Hoài Ân			0,12	12		hiệu quả
3	Hóc Hào	Ân Phong	Hoài Ân			0,60	40,02		hư hỏng, xuống cấp
4	Hóc Cau	Ân Phong	Hoài Ân			0,35	11,42		hồ hư hỏng, xuống cấp
5	Hóc Kỳ	Ân Phong	Hoài Ân			0,35	19,42		hồ hư hỏng, xuống cấp
6	Cây Điều	Ân Phong	Hoài Ân			0,20	9,9		hồ hư hỏng, hạn chế tích nước
7	Hồ Chuối	Ân Thạnh	Hoài Ân			0,35	23,93		hồ hư hỏng, xuống cấp
8	Hóc Cửa	Ân Thạnh	Hoài Ân			0,57	28,47		hiệu quả
9	Hội Long	Ân Hào	Hoài Ân			1,32	54,71		hiệu quả

TT	Tên hồ chứa	Địa điểm xây dựng		Kinh phí đầu tư (triệu đồng)		Dung tích toàn bộ (triệu m ³)	Diện tích trước thực tế	Chủ thể khai thác	Ghi chú
				Xây mới	Nâng cấp, sửa chữa				
10	Đập Chùa	Ân Hào	Hoài Ân		2.734,33	0,12			hiệu quả
11	Phú Khương	Ân Tường Tây	Hoài Ân		12.164,89	0,59	61,71		hiệu quả
12	Phú Hữu (Suối Rùn)	Ân Tường Tây	Hoài Ân		20.454,44	2,11	95,68		hiệu quả
13	Hóc Sim	Ân Tường Đông	Hoài Ân			0,64	71,21		hồ hư hỏng, xuống cấp
14	Bè Né	Ân Nghĩa	Hoài Ân			0,26	15,87		hồ hư hỏng, xuống cấp
15	Đồng Quang	Ân Nghĩa	Hoài Ân			0,60	16,1		hồ hư hỏng, xuống cấp
III UBND THỊ XÃ HOÀI NHƠN									
1	Đồng Tranh	Hoài Sơn	Hoài Nhơn			1,51	54,2		hiệu quả
2	Thiết Đính	Bồng Sơn	Hoài Nhơn		8.146,08	1,04	65,94		hiệu quả
3	Phú Thạnh	Hoài Hào	Hoài Nhơn			1,02	58,74		hiệu quả
4	Hóc Quăn	Hoài Sơn	Hoài Nhơn			0,48	35,73		hồ hư hỏng, xuống cấp
5	Cự Lễ	Hoài Phú	Hoài Nhơn		10.074,68	0,41	40,32		hiệu quả
6	Ông Trĩ	Hoài T.Tây	Hoài Nhơn			0,28	57,54		hiệu quả
7	Hóc Dài	Hoài Đức	Hoài Nhơn			0,1	10,53		hồ hư hỏng, hạn chế tích nước
8	Lòng Bong	Bồng Sơn	Hoài Nhơn			0,259	49,17		hồ hư hỏng, xuống cấp
IV UBND HUYỆN PHÙ MỸ									
1	Nhà Hố	Mỹ Chánh Tây	Phù Mỹ			0,60	80,51		hồ hư hỏng, xuống cấp
2	Hóc Môn	Mỹ Châu	Phù Mỹ			2,77	84,03		hiệu quả
3	Hóc Mẩn	Mỹ Quang	Phù Mỹ			0,54	40,53		hồ hư hỏng, xuống cấp
4	Chánh Thuận	Mỹ Trinh	Phù Mỹ		7.164,89	0,98	113		hiệu quả
5	Núi Miếu	Mỹ Lợi	Phù Mỹ		17.019,42	1,13	138,2		hiệu quả
6	Hóc Lách	Mỹ Đức	Phù Mỹ			0,095	92,67		hiệu quả
7	Hoà Ninh	Mỹ An	Phù Mỹ			0,11	18,18		hiệu quả
8	Hố Trạch	Mỹ Chánh	Phù Mỹ			0,36	41,56		đang thi công
9	Đập Ký	Mỹ Châu	Phù Mỹ			0,3	60,67		hiệu quả
10	Đội 10	Mỹ Châu	Phù Mỹ			0,12	14		hiệu quả
11	Đồng Dụ	Mỹ Châu	Phù Mỹ			0,06	49,94		hiệu quả
12	Đại Thuận	Mỹ Hiệp	Phù Mỹ			0,1	13,45		hiệu quả
13	Đập Phố (Hoà Nghĩa)	Mỹ Hiệp	Phù Mỹ			0,15	65,16		hiệu quả
14	Chí Hòa 1	Mỹ Hiệp	Phù Mỹ			0,15	65,16		hiệu quả



TT	Tên hồ chứa	Địa điểm xây dựng		Kinh phí đầu tư (triệu đồng)		Dung tích toàn bộ (triệu m ³)	Diện tích tưới thực tế	Chủ thể khai thác	Ghi chú
				Xây mới	Nâng cấp, sửa chữa				
15	Giàn Tranh	Mỹ Hoà	Phù Mỹ			0,25	34,41		hồ hư hỏng, hạn chế tích nước
16	Đập Quang (Phước Thọ)	Mỹ Hoà	Phù Mỹ			0,065	26,44		hồ bị bồi lấp nặng, đề xuất san lấp
17	Gò Miếu	Mỹ Hoà	Phù Mỹ			0,11	15		hiệu quả
18	Hải Lương	Mỹ Phong	Phù Mỹ			0,214	26,51		hiệu quả
19	Hóc Sinh	Mỹ Phong	Phù Mỹ			0,174	48,52		hiệu quả
20	Núi Giàu	Mỹ Tài	Phù Mỹ			0,4	55		hiệu quả
21	Hóc Quảng	Mỹ Tài	Phù Mỹ			0,225	30		hiệu quả
22	Cây Me	Mỹ Thành	Phù Mỹ			0,4	67,49		đang thi công
23	Thuận An	Mỹ Thọ	Phù Mỹ			0,13	27,9		hồ hư hỏng, hạn chế tích nước
24	Hồ Cùng (Suối Cùng)	Mỹ Thọ	Phù Mỹ		5.200,02	0,354	64,8		hiệu quả
25	Bàu Bạ	Mỹ Trinh	Phù Mỹ			0,13	9		hiệu quả
26	Dốc Đá	Mỹ Trinh	Phù Mỹ			0,215	11,63		hồ hư hỏng, xuống cấp
27	Hóc Xoài	Mỹ Trinh	Phù Mỹ			0,195	21,78		hồ hư hỏng, hạn chế tích nước
V UBND HUYỆN PHÙ CÁT									
1	Tam Sơn	Cát Lâm	Phù Cát			1,12	174		hiệu quả
2	Mương Chuông (Chánh Nhơn)	Cát Nhơn	Phù Cát			0,34	74,97		hiệu quả
3	Sân Bay	Cát Tân	Phù Cát			0,60	52,36		hiệu quả
4	Tân Lệ	Cát Tân	Phù Cát			0,36	28,88		hiệu quả
5	Hóc Sanh	Cát Tân	Phù Cát			0,29	19,73		hiệu quả
6	Hóc Ôi	Cát Tân	Phù Cát			0,107	19,79		hiệu quả
7	Hóc Chợ	Cát Hanh	Phù Cát			0,177	25		hiệu quả
8	Ông Huy (Hóc Huy)	Cát Minh	Phù Cát			0,28	31		hiệu quả
9	Mu Rùa	Cát Minh	Phù Cát			0,155	5,8		hồ hư hỏng, hạn chế tích nước
10	Đá Bàn	Cát Hải	Phù Cát			0,15	10		hồ hư hỏng, hạn chế tích nước
VI UBND HUYỆN TUY PHƯỚC									

TT	Tên hồ chứa	Địa điểm xây dựng		Kinh phí đầu tư (triệu đồng)		Dung tích toàn bộ (triệu m ³)	Diện tích trước thực tế	Chủ thể khai thác	Ghi chú
				Xây mới	Nâng cấp, sửa chữa				
1	Đá Vàng	Phước Thành	Tuy Phước			0,45	39,5		hồ hư hỏng, xuống cấp
VII UBND HUYỆN VÂN CANH									
1	Bà Thiên	Canh Vinh	Vân Canh			0,97	30,5		hiệu quả
2	Suối Mây	Canh Thuận	Vân Canh		9.898,73	0,08	10		đang thi công
3	Làng Trọi	Canh Thuận	Vân Canh			0,1	10		hiệu quả
4	Suối Cầu	Canh Hiền	Vân Canh			0,1	49		hồ hư hỏng, hạn chế tích nước
VII I UBND HUYỆN TÂY SƠN									
1	Hóc Đèo	Tây Giang	Tây Sơn			0,60	63,00		hiệu quả
2	Thù Thiện	Bình Nghi	Tây Sơn			2,02	99,80		hiệu quả
3	Nam Hương	Tây Giang	Tây Sơn			0,08	5,00		hồ hư hỏng, hạn chế tích nước
4	Hải Nam	Tây Giang	Tây Sơn			0,2	2,57		hồ hư hỏng, hạn chế tích nước
5	Lỗ Môn	Tây Giang	Tây Sơn		13.859,31	0,35	55,00		hiệu quả
6	Bàu Dài	Tây Giang	Tây Sơn			0,1	4,27		hồ hư hỏng, xuống cấp
7	Hóc Cát	Tây Giang				0,04			hồ nhỏ hơn 50000 m ³ , hiện nay đã đưa ra khỏi danh mục quản lý
8	Hóc Lách	Bình Nghi	Tây Sơn			0,07	9,00		hồ đã bị lấp, không còn sử dụng
9	Hoà Mỹ (Mặt Cát)	Bình Thuận	Tây Sơn			0,05	8,00		
10	Trông Ồi	Tây Thuận	Tây Sơn			0,08	5,00		hồ hư hỏng, xuống cấp

TT	Tên hồ chứa	Địa điểm xây dựng		Kinh phí đầu tư (triệu đồng)		Dung tích toàn bộ (triệu m ³)	Diện tích trú thực tế	Chủ thể khai thác	Ghi chú
				Xây mới	Nâng cấp, sửa chữa				
11	Lỗ Ôi	Bình Thành	Tây Sơn			0,30	11,33		không còn công năng, hồ nằm trong trường bản, đề nghị chuyển đổi mục đích sử dụng
12	Hóc Thánh	Bình Tường	Tây Sơn			0,25	6,05		hồ hư hỏng, hạn chế tích nước
13	Hóc Rộng	Bình Tường	Tây Sơn			0,05	15,00		hiệu quả
14	Bàu Làng (Hòa)	Bình Tường	Tây Sơn			0,16	16,87		hồ hư hỏng, xuống cấp
15	Bàu Sen	Bình Tường				0,06			hiệu quả
16	Đập Làng	Tây An	Tây Sơn			0,17	17,96		hiệu quả
17	Đồng Quy	Tây An	Tây Sơn			0,30	30,31		hiệu quả
18	Bàu Năng	Bình Tân	Tây Sơn			0,15	12,00		hồ hư hỏng, xuống cấp, đề xuất chuyển đổi mục đích sử dụng
19	Đồng Đo	Tây Xuân	Tây Sơn			0,08	15,00		hiệu quả
20	Hóc Bông	Tây Xuân	Tây Sơn			0,06	5,00		hồ hư hỏng, xuống cấp
21	Thủy Dê	Tây Xuân	Tây Sơn			0,6	10,00		hiệu quả
22	Ông Chánh	Vĩnh An	Tây Sơn			0,07	5,00		hồ đã bị lấp, không còn sử dụng
23	Rộc Đàng	Bình Thành	Tây Sơn			0,08	14,76		hiệu quả
IX UBND HUYỆN VĨNH THẠNH									
1	Ông Vị	Vĩnh Hào	Vĩnh Thạnh			0,06	3,82		hiệu quả
2	Bàu Làng	Vĩnh Hào	Vĩnh Thạnh			0,2	4,25		hiệu quả
3	Bàu Trung	Vĩnh Hào	Vĩnh Thạnh			0,2	3,3		hiệu quả
X UBND TP QUY NHƠN									
1	Hồ nước ngọt Nhơn Châu	Nhơn Châu	Quy Nhơn		2.130,00	0,086			hiệu quả

Nguồn: Theo Báo cáo số 272/BC-SNN ngày 15/10/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn